TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2024/DS-ST.
Ngày: 26-4-2024.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nguyên**.
Các Hội thẩm nhân dân:
+ Ông **Võ Tùng Chinh**.
+ Ông **Đoàn Văn Vui**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Quỳnh Như** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Đinh Thị Huyền Đăng** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 292/2023/TLST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2023 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Phạm Văn Bé T** - Sinh năm: 1969, địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Lê Văn T1** - Sinh năm: 1984, địa chỉ: Ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

- *Bị đơn:*

+ Ông **Trần Văn T2** - Sinh năm: 1950; địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

+ Bà **Trần Thị Kim L** - Sinh năm: 1955; địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Kim L: Ông **Trần Văn T2** - Sinh năm: 1950; địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào năm 2014, ông Bé T có bán cây giống cho ông T2, bà L, tổng cộng ông T2, bà L còn nợ lại số tiền là 130.000.000VNĐ (một trăm ba mươi triệu đồng); ngày 07/12/2015 ông T2 viết giấy giao kèo với nội dung còn nợ lại ông Bé T số tiền là 130.000.000VNĐ (một trăm ba mươi triệu đồng), đồng thời có xin được trả dần hàng tháng với mức là 2.000.000VNĐ/tháng cho đến khi trả hết số tiền còn nợ, nhưng ông T2 chỉ trả được 07 (bảy) tháng tiền gốc với tổng số tiền đã trả là 14.000.000VNĐ (mười bốn triệu đồng), còn nợ lại số tiền là 116.000.000VNĐ (một trăm mười sáu triệu đồng).

Do vậy, ông Bé T yêu cầu ông T2, bà L có nghĩa vụ liên đới trả số tiền mua cây giống còn nợ là 116.000.000VNĐ (một trăm mười sáu triệu đồng), không yêu cầu trả tiền lãi.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Trần Văn T2 đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Kim L trình bày:

Ông và bà L có thiếu của ông Bé T tổng số tiền là 130.000.000VNĐ (một trăm ba mươi triệu đồng) bao gồm 70.000.000VNĐ (bảy mươi triệu đồng) tiền mua cây giống và 60.000.000VNĐ (sáu mươi triệu đồng) tiền vay nên ông có viết giấy giao kèo vào ngày 07/12/2015AL. Tuy nhiên vào năm 2017 (ông chỉ nhớ là năm 2017 mà không nhớ ngày tháng nào) thì ông có trả cho ông B Tư 20.000.000VNĐ (hai mươi triệu đồng) tiền gốc; từ tháng 10 năm 2015 âm lịch đến tháng 4 năm 2017 âm lịch thì ông T2 có trả tiền lãi cho ông Bé T mỗi tháng là 6.500.000VNĐ với tổng số tiền là 117.000.000VNĐ (một trăm mười bảy triệu đồng), từ tháng 5 năm 2017 âm lịch đến tháng 11 năm 2019 âm lịch hàng tháng ông trả tiền lãi cho ông B T là 5.500.000VNĐ với tổng số tiền là 165.000.000VNĐ (một trăm sáu mươi lăm triệu đồng), tháng 12 năm 2019 âm lịch ông Bé T cho ông T2 trả dần tiền gốc hàng tháng là 2.000.000VNĐ/tháng, ông T2 có trả được 14 tháng tiền gốc với tổng số tiền là 28.000.000VNĐ (hai mươi tám triệu đồng); như vậy hiện nay ông T2, bà L chỉ còn thiếu lại ông Bé T số tiền là 82.000.000VNĐ (tám mươi hai triệu đồng). Việc trả tiền gốc, tiền lãi là không có làm giấy tờ gì, do đó ông không có yêu cầu gì liên quan đến số tiền lãi đã đóng.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn là ông Trần Văn T2 đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Kim L vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre phát biểu: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71, 86 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn vắng mặt không lý do dù đã được triệu tập hợp lệ là vi phạm Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về việc giải quyết vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 21, 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 430, 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Phạm Văn Bé T; cụ thể: Buộc ông Trần Văn T2 và bà Trần Thị Kim L có nghĩa vụ trả cho ông B T số tiền còn nợ là 116.000.000VNĐ (một trăm mười sáu triệu đồng), ghi nhận việc ông Bé T không yêu cầu trả tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Tại tờ giao kèo ngày 07/12/2015 có ghi số tiền các bên có tranh chấp là tiền mượn, qua quá trình giải quyết vụ án, ông Bé T cho rằng thực chất đó là tiền mua bán cây giống, do có sơ sót nên mới để ông T2 ghi là tiền mượn, ông T2 cho rằng số tiền có tranh chấp là bao gồm tiền mua bán cây giống và tiền vay, tuy nhiên lời trình bày ban đầu của ông T2 tại bản tự khai ngày 12/01/2024 và biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản hòa giải cùng ngày 12/01/2024 lại xác định đó là tiền mua bán cây giống, trong khi đó ông Bé T có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản đối với ông T2, bà L có địa chỉ tại ấp M, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre nên xác định đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre theo quy định tại các điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn là ông Trần Văn T2 đồng thời cũng là người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Kim L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của

nguyên đơn, ông T2 theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Ông Bé T, ông T2 thống nhất với nhau về việc ông T2, bà L có nợ của ông Bé T số tiền 130.000.000VNĐ (một trăm ba mươi triệu đồng) và tờ giao kèo ngày 07/12/2015 là do ông T2 viết, ký tên ghi họ tên; như vậy có đủ căn cứ để xác định ông T2, bà L có nợ ông Bé T số tiền là 130.000.000VNĐ (một trăm ba mươi triệu đồng).

[3.2] Về việc trả tiền: Ông T2 cho rằng ông và bà L đã trả cho ông B Tư được 48.000.000VNĐ (bốn mươi tám triệu đồng) tiền gốc, nhưng ông Bé T không thừa nhận lời trình bày này của ông T2 mà ông Bé T chỉ thừa nhận có nhận của ông T2, bà L số tiền trả nợ gốc là 14.000.000VNĐ (mười bốn triệu đồng), trong khi đó ông T2, bà L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh được là ông bà có trả cho ông B Tư 48.000.000VNĐ (bốn mươi tám triệu đồng) tiền gốc nên không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của ông T2, đồng thời xác định ông T2, bà L chỉ mới trả được cho ông B Tư 14.000.000VNĐ (mười bốn triệu đồng) nợ gốc, còn nợ lại số tiền là 116.000.000VNĐ (một trăm mười sáu triệu đồng) nên ông T2, bà L phải có nghĩa vụ trả cho ông B T số tiền này.

[3.3] Về trả tiền lãi: Ông Bé T cho rằng có nhận của ông T2, bà L 05 (năm) tháng tiền lãi với mức 1.300.000VNĐ/tháng (một triệu ba trăm ngàn đồng trên một tháng). Ông T2 trình bày là ông có trả tiền lãi cho ông Bé T với mức 6.5000.000VNĐ/tháng từ tháng 11 âm lịch năm 2015 đến tháng 7 âm lịch năm 2017, sau đó thì trả lãi cho ông B T với mức là 5.500.000VNĐ/tháng từ tháng 8 âm lịch năm 2017 trở về sau là hai năm; lời trình bày của ông B T và ông T2 về tiền lãi là không thống nhất với nhau, các bên không đưa ra được tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc trả tiền lãi, đồng thời nguyên đơn, bị đơn đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tiền lãi nên không xem xét, giải quyết.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phù hợp với nhận định của Hồi đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của ông Bé T được chấp nhận nên ông Bé T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông Bé T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.900.000VNĐ (hai triệu chín trăm ngàn đồng). Ông T2, bà L là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 288, 357, 440, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 5, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 12, 14, 15, 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Bé T, cụ thể:

1/ Buộc ông Trần Văn T2 và bà Trần Thị Kim L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phạm Văn Bé T số tiền còn nợ là 116.000.000VNĐ (một trăm mười sáu triệu đồng), ghi nhận việc ông Bé T không yêu cầu trả tiền lãi.

2/ Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1) Hoàn trả lại cho ông Phạm Văn Bé T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 2.900.000VNĐ (hai triệu chín trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002441 ngày 22/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

3.2) Ông Trần Văn T2, bà Trần Thị Kim L được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

4/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

5/ Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

- Chi cục T.H.A.D.S huyện Mỏ Cày Bắc;
- Phòng KTNV và T.H.A-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

Nguyễn Văn Nguyên